

NỘI DUNG ÔN TẬP HỌC KÌ 1- ĐỊA LÍ 12

Năm học 2021-2022

Bài 9, 10: THIÊN NHIÊN NHIỆT ĐỚI ẨM GIÓ MÙA

I. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa

+ Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa được quy định bởi vị trí địa lí của đất nước:

*Về vĩ độ: nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến.

*Về kinh độ: nước ta thuộc khu vực gió mùa châu Á và tiếp giáp với biển Đông nóng ẩm.

1. Tính chất nhiệt đới

- Biểu hiện:

+ Tổng lượng bức xạ mặt trời lớn, cân bằng bức xạ dương quanh năm nên => nhiệt độ trung bình năm cao

+ Nhiệt độ trung bình năm trên toàn quốc đều lớn hơn 20°C (trừ vùng núi cao)

- Nguyên nhân:

+ Do vị trí nước ta nằm trong khu vực nội chí tuyến: lãnh thổ nhận được lượng bức xạ mặt trời lớn, do góc nhập xạ lớn.

2. Lượng mưa, độ ẩm

- Biểu hiện:

+ Lượng mưa lớn, trung bình 1500 – 2000mm, ở những sườn đón gió và khối núi cao, lượng mưa trung bình năm có thể lên đến 3500 – 4000mm.

+ Độ ẩm không khí cao (trên 80%), cân bằng ẩm luôn luôn dương.

- Nguyên nhân: Các khối khí di chuyển qua biển Đông mang theo một lượng hơi ẩm lớn.

3. Gió mùa

Nước ta có 2 loại gió mùa chính là: gió mùa mùa đông, gió mùa mùa hạ.

Gió mùa mùa đông	
- Hướng gió	Đông bắc
- Nguồn gốc:	cao áp Xibia
- Phạm vi hoạt động:	Miền bắc
- Thời gian hoạt động:	Từ tháng XI đến tháng IV năm sau.
- Tính chất:	+ Đầu mùa: Lạnh khô + Cuối mùa: Lạnh ẩm
- Ảnh hưởng	đến thời tiết, khí hậu ở miền bắc vào mùa đông

Gió mùa mùa hạ	
- Hướng gió	Tây nam
- Nguồn gốc:	+ Nửa đầu mùa hạ: áp cao bắc Ấn Độ Dương. + Giữa và sau mùa hạ: áp cao cận chí tuyến nam bán cầu
- Phạm vi hoạt động:	Cả nước
- Thời gian hoạt động:	+ đầu mùa: từ tháng V đến tháng VII, + nửa sau mùa hạ: từ tháng VIII đến tháng X
- Tính chất:	Nóng ẩm
- Ảnh hưởng	+ Nửa đầu mùa hạ: gây mưa cho cả Nam bộ và Tây Nguyên, khô nóng cho Trung bộ. + Nửa sau mùa hạ: gây mưa cho cả nước

+ **Gió tín phong:** Do nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến bán cầu bắc nên có gió tín phong bán cầu bắc hoạt động quanh năm, nhưng do gió mùa lấn át nên gió tín phong thổi xen kẽ gió mùa và chỉ có tác động rõ rệt vào các thời kì chuyển tiếp giữa 2 mùa.

II. Các thành phần tự nhiên khác

1. Địa hình

a. Biểu hiện

- Xâm thực mạnh ở miền đồi núi,

- Bồi tụ ở đồng bằng hạ lưu sông

b. Nguyên nhân

- Trên các sườn dốc mất lớp phủ thực vật, do tác động của các yếu tố ngoại lực như mưa, gió...

- Hệ quả của quá trình xâm thực ở miền núi tạo nên sự bồi tụ ở đồng bằng.

=> **Quá trình xâm thực và bồi tụ** là quá trình chính trong sự hình thành và biến đổi địa hình Việt Nam hiện tại.

2. Sông ngòi

a. Biểu hiện

- Mạng lưới sông ngòi dày đặc nhưng phần lớn là sông nhỏ.
- Sông ngòi nhiều nước, giàu phù sa.
- Chế độ nước theo mùa, mùa lũ tương ứng với mùa mưa, mùa cạn tương ứng với mùa khô.

b. Nguyên nhân

- Địa hình đồi núi nhiều, bị chia cắt mạnh.
- Mưa nhiều, mưa theo mùa, có một số lưu vực nằm ngoài lãnh thổ.
- quá trình xâm thực mạnh ở miền đồi núi.

3. Đất

a. Biểu hiện

- Quá trình feralit hoá là quá trình hình thành đất đặc trưng cho vùng khí hậu nhiệt đới ẩm.
- Quá trình feralit diễn ra mạnh ở vùng đồi núi thấp

b. Nguyên nhân

- + nhiệt ẩm cao
- + Mưa nhiều

4. Sinh vật

- Kiểu rừng: **rừng nhiệt đới ẩm** lá rộng thường xanh.
- thành phần các loài nhiệt đới chiếm ưu thế

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM THAM KHẢO:

BÀI 9,10. THIÊN NHIÊN NHIỆT ĐỚI ẨM GIÓ MÙA

Câu 2. Mưa phùn là loại mưa :

- A. Diễn ra vào đầu mùa đông ở miền Bắc.
- B. Diễn ra ở đồng bằng và ven biển miền Bắc vào đầu mùa đông.
- C. Diễn ra vào nửa sau mùa đông ở miền Bắc.
- D. Diễn ra ở đồng bằng và ven biển miền Bắc vào nửa sau mùa đông.

Câu 3. Gió mùa mùa đông ở miền Bắc nước ta có đặc điểm :

- A. Hoạt động liên tục từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau với thời tiết lạnh khô.
- B. Hoạt động liên tục từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau với thời tiết lạnh khô và lạnh ẩm.
- C. Xuất hiện thành từng đợt từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau với thời tiết lạnh khô hoặc lạnh ẩm.
- D. Kéo dài liên tục suốt 3 tháng với nhiệt độ trung bình dưới 20°C.

Câu 5. Gió đông bắc thổi ở vùng phía nam đèo Hải Vân vào mùa đông thực chất là :

- A. Gió mùa mùa đông nhưng đã biến tính khi vượt qua dãy Bạch Mã.
- B. Một loại gió địa phương hoạt động thường xuyên suốt năm giữa biển và đất liền.
- C. Gió tín phong ở nửa cầu Bắc hoạt động thường xuyên suốt năm.
- D. Gió mùa mùa đông xuất phát từ cao áp ở lục địa châu Á.

Câu 6. Vào đầu mùa hạ gió mùa Tây Nam gây mưa ở vùng :

- A. Nam Bộ.
- B. Tây Nguyên và Nam Bộ.
- C. Phía Nam đèo Hải Vân.
- D. Trên cả nước.

Câu 7. Đây là một đặc điểm của sông ngòi nước ta do chịu tác động của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.

- A. Lượng nước phân bố không đều giữa các hệ sông.
- B. Phần lớn sông chảy theo hướng tây bắc - đông nam.
- C. Phần lớn sông đều ngắn dốc, dễ bị lũ lụt.
- D. Sông có lưu lượng lớn, hàm lượng phù sa cao.

Câu 8. Kiểu rừng tiêu biểu của nước ta hiện nay là :

- A. Rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh.
- B. Rừng gió mùa thường xanh.
- C. Rừng gió mùa nửa rụng lá.
- D. Rừng ngập mặn thường xanh ven biển.

Câu 9. Biểu hiện tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta là

- A. Hằng năm, nước ta nhận được lượng nhiệt Mặt trời lớn
- B. Trong năm, Mặt trời luôn đứng cao trên đường chân trời
- C. Trong năm, Mặt trời qua thiên đỉnh hai lần
- D. Tổng bức xạ lớn, cân bằng bức xạ dương quanh năm

Câu 13. Gió thổi vào nước ta mang lại thời tiết lạnh, khô vào đầu mùa đông và lạnh ẩm vào cuối mùa đông cho miền Bắc là

- A. Gió Mậu dịch nửa cầu Nam.
- B. Gió Mậu dịch nửa cầu Bắc

C. Gió Đông Bắc.

D. Gió Tây Nam từ vịnh Tây Bengal

Câu 14. Đặc điểm nào sau đây **không đúng** với gió mùa Đông Bắc ở nước ta

A. Thổi liên tục trong suốt mùa đông.

B. Chỉ hoạt động ở miền Bắc

C. Hầu như kết thúc bởi bức chắn dãy Bạch Mã.

D. Tạo nên mùa đông có 2,3 tháng lạnh ở miền Bắc

Câu 15. Bản chất của gió mùa mùa đông là

A. Khối khí xích đạo ẩm.

B. Khối khí chí tuyến nửa cầu Nam

C. Khối khí cực lục địa.

D. Khối khí vịnh Tây Bengal

Câu 16. Nửa sau mùa đông, gió mùa Đông Bắc thổi vào nước ta có tính chất lạnh ẩm, vì

A. Gió càng gần về phía Nam.

B. Gió di chuyển về phía Đông

C. Gió thổi qua biển Nhật Bản và biển Hoàng Hải.

C. Gió thổi qua lục địa Trung Hoa rộng lớn

Câu 17. Gió mùa Tây Nam ở nước ta thông thường trong khoảng thời gian

A. Từ tháng VII-IX.

B. Từ tháng V-VII.

C. Từ tháng VI-VIII.

D. Từ tháng V-X

Câu 18. Khí hậu được phân chia thành hai mùa khô và mưa rõ rệt là ở:

A. Miền Bắc.

B. Miền Nam.

C. Tây Bắc.

D. Bắc Trung Bộ

Câu 19. Nguyên nhân gây mưa lớn và kéo dài ở các vùng đón gió Nam Bộ và Tây Nguyên là do hoạt động của:

A. Gió mùa Tây Nam xuất phát từ áp cao cận chí tuyến nửa cầu Nam

B. Gió mùa Tây Nam xuất phát từ vịnh Bengal

C. Gió tín phong xuất phát từ áp cao cận chí tuyến nửa cầu Bắc

D. Gió Đông Bắc xuất phát từ áp cao Xibia

Câu 20. Tác động của gió Tây khô nóng đến khí hậu nước ta là

A. Gây ra thời tiết nóng, ẩm theo mùa

B. Tạo sự đối lập giữa Tây Bắc và Bắc Trung Bộ

C. Tạo kiểu thời tiết khô nóng, hoạt động từng đợt

D. Mùa thu, đông có mưa phùn

Câu 22. Đặc điểm nào sau đây **không đúng** với mạng lưới sông ngòi nước ta?

A. Ít phụ lưu.

B. Nhiều sông

C. Phần lớn là sông nhỏ.

D. Mật độ sông lớn

Câu 23. Chế độ nước sông ngòi nước ta theo mùa, do

A. Trong năm có hai mùa mưa và khô.

B. Độ dốc địa hình lớn, mưa nhiều

C. Mưa nhiều trên địa hình đồi núi chiếm diện tích lớn

D. Đồi núi bị cắt xẻ, độ dốc lớn, mưa nhiều

Câu 24. Quá trình feralit hóa diễn ra mạnh mẽ ở vùng

A. Ven biển.

B. Đồng bằng.

C. Vùng núi.

D. Đồi

Câu 25. Hệ quả của quá trình xâm thực mạnh ở miền núi là

A. Tạo thành nhiều phụ lưu.

B. Tổng lượng bùn cát lớn

C. Dòng chảy mạnh.

D. Hệ số bào mòn nhỏ

Câu 27. Nguyên nhân làm cho đất đai nước ta dễ bị suy thoái là

A. Khí hậu nhiệt ẩm cao, mưa theo mùa, địa hình nhiều đồi núi thấp

B. Địa hình nhiều đồi núi, mưa lớn và tập trung một mùa

C. Mưa theo mùa, xói mòn nhiều, địa hình nhiều đồi núi

D. Khí hậu nhiệt ẩm cao, mưa theo mùa, địa hình nhiều đồi núi

Câu 30. Nền nhiệt ẩm cao tác động đến sản xuất nông nghiệp ở

A. Tính mùa vụ của sản xuất.

B. Lượng mưa theo mùa

C. Đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi.

D. Sự phân mùa khí hậu

Câu 32. Quá trình chính trong sự hình thành và biến đổi địa hình nước ta hiện tại là

A. Xâm thực - bồi tụ.

B. Bồi tụ - xâm thực.

C. Bồi tụ.

D. Xâm thực

Câu 34. Hệ sinh thái rừng nguyên sinh đặc trưng cho khí hậu nóng ẩm là

A. Rừng nhiệt đới gió mùa thường xanh

B. Rừng thưa nhiệt đới khô

C. Rừng nhiệt đới gió mùa nửa rụng lá

D. Rừng rậm nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh

Câu 36. Gió mùa mùa hạ chính thức của nước ta gây mưa cho vùng :

A. Tây Nguyên.

B. Nam Bộ.

C. Bắc Bộ.

D. Cả nước.

Câu 39. Nguyên nhân dẫn đến sự hình thành gió mùa là:

A. Sự chênh lệch khí áp giữa lục địa và đại dương

- B. Sự chênh lệch độ ẩm giữa ngày và đêm
- C. Sự hạ khí áp đột ngột
- D. Sự chênh lệch nhiệt và khí áp giữa lục địa và đại dương

BÀI 11,12: THIÊN NHIÊN PHÂN HOÁ ĐA DẠNG

I. Thiên nhiên phân hoá theo chiều Bắc – Nam

1. Nguyên nhân

Do sự thay đổi của khí hậu là nguyên nhân chính, biểu hiện ở:

- Sự gia tăng nhiệt độ từ Bắc vào Nam.
- Sự gia tăng bức xạ Mặt trời và sự giảm sút ảnh hưởng của khối khí lạnh về phía nam.
- Nền nhiệt độ trung bình tháng lạnh và trung bình năm, biến thiên nhiệt vào mùa đông và biên độ nhiệt trong năm cũng có sự khác nhau.

2. Thiên nhiên ở các phần lãnh thổ

Phần lãnh thổ phía Bắc	Phần lãnh thổ phía Nam
- Giới hạn: Từ dãy Bạch Mã trở ra. - khí hậu: nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh - Đặc điểm khí hậu: + Nhiệt độ trung bình năm trên 20°C. + Có mùa đông lạnh với 2 – 3 tháng nhiệt độ trung bình dưới 18°C do ảnh hưởng của gió mùa đông bắc. + Biên độ nhiệt trung bình năm lớn. - Cảnh quan: + rừng nhiệt đới ẩm gió mùa. + Cảnh sắc thiên nhiên có sự thay đổi, mùa đông nhiều loài cây rụng lá, mùa hạ cây cối xanh tươi. + Động thực vật nhiệt đới chiếm ưu thế. + Vào mùa đông trồng được nhiều loại rau quả cận nhiệt và ôn đới ở đồng bằng. + Biểu hiện rõ nhất từ vĩ tuyến 18°B trở ra.	- Giới hạn: Từ dãy Bạch Mã trở vào. - khí hậu: cận xích đạo gió mùa. - Đặc điểm khí hậu: + Quanh năm nóng, nhiệt độ trung bình năm trên 25°C và không có tháng nào dưới 20°C. + Phân chia thành một mùa mưa và một mùa khô. + Biên độ nhiệt trung bình năm nhỏ. - Cảnh quan: + rừng cận xích đạo gió mùa. + Cây thường rụng lá vào mùa khô và tươi tốt vào mùa mưa. + Động thực vật phần lớn thuộc vùng xích đạo và nhiệt đới. + Biểu hiện rõ từ vĩ tuyến 14°B trở vào.

* Đoạn từ 16°B – 18°B đới cảnh quan nhiệt đới ẩm gió mùa không rõ ràng là do dãy Hoàng Sơn làm giảm ảnh hưởng của gió mùa đông bắc. Hơn nữa, hướng địa hình gần vuông góc với hướng gió làm cho lượng mưa tăng dần.

* Đoạn từ 16°B – 14°B đới cảnh quan cận xích đạo gió mùa không rõ ràng do khối núi Kon Tum chắn nên lượng mưa lớn và nhiệt độ cao.

II. Thiên nhiên phân hoá theo chiều đông tây

Từ đông sang tây, thiên nhiên nước ta có sự phân hoá thành 3 dải rõ rệt là:

- + vùng ven biển và thềm lục địa,
- + vùng đồng bằng ven biển,
- + vùng đồi núi.

1. Vùng biển và thềm lục địa

- Vùng biển lớn gấp gần 3 lần đất liền, có quan hệ chặt chẽ với vùng đồng bằng, vùng đồi núi kề bên và có sự thay đổi theo từng đoạn bờ biển.
- Đa dạng, đặc sắc và thay đổi tùy theo các dạng địa hình ven biển, thềm lục địa => Giàu có, tiêu biểu cho vùng biển nhiệt đới ẩm gió mùa.

2. Vùng đồng bằng ven biển

- Rất đa dạng và thay đổi tùy theo từng vùng.
- Đồng bằng Bắc bộ và đồng bằng Nam bộ mở rộng với các bãi triều thấp phẳng, thềm lục địa rộng, nông
- Dải đồng bằng ven biển trung bộ hẹp ngang và bị chia cắt thành những đồng bằng nhỏ, đường bờ biển khúc khuỷu với thềm lục địa thu hẹp, tiếp giáp vùng biển sâu.

3. Vùng đồi núi

- Phức tạp do tác động của địa hình với các luồng gió mùa mùa đông và gió mùa mùa hạ, thể hiện ở sự phân hoá thiên nhiên ở đông và tây Bắc bộ, đông và tây Trường Sơn

a. Đông và tây Bắc bộ

- Đặc điểm:

- + Đông bắc mang sắc thái của thiên nhiên cận nhiệt đới gió mùa.
- + Vùng núi thấp phía nam tây bắc mang sắc thái thiên nhiên nhiệt đới gió mùa.

- + Vùng núi cao tây bắc mang sắc thái thiên nhiên ôn đới.

- Nguyên nhân:

- + Vùng đông bắc: hướng vòng cung của các dãy núi đón nhận trực tiếp khối khí lạnh từ phương bắc tràn xuống làm cho mùa đông đến sớm và là vùng có mùa đông lạnh rõ rệt nhất toàn quốc.
- + Vùng tây bắc khuất sau dãy Hoàng Liên Sơn nên ít chịu ảnh hưởng của gió mùa đông bắc. Mùa đông khô, ít mưa phùn. Vào mùa hạ chịu ảnh hưởng gió phơn tây nam khô nóng.
- + Vùng tây bắc khí hậu lạnh do độ cao, ở đây tập trung các dãy núi cao trên 2000m đến 3000m.

b. Vùng đông và tây Trường Sơn

- Đặc điểm:

- + Đông Trường Sơn mưa vào thu đông, khô nóng vào mùa hè.
- + Tây Nguyên khô vào mùa thu đông, mưa vào mùa hè.

- Nguyên nhân:

- + Đông Trường Sơn mưa vào mùa thu đông do đón nhận trực tiếp các luồng gió thổi hướng đông bắc từ biển vào, cùng với bão, áp thấp nhiệt đới và hội tụ nhiệt đới gây mưa lớn.
- + Tây Nguyên mưa vào mùa hè do gió mùa tây nam mang lại vào nửa đầu mùa hạ, gió mùa mùa hạ từ bắc Ấn Độ Dương qua vịnh Bengan mang mưa cho Nam bộ và Tây Nguyên, đồng thời gây hiệu ứng phơn đem lại gió tây khô nóng cho đông Trường Sơn.

III. Thiên nhiên phân hoá theo độ cao

- Nguyên nhân

Do sự thay đổi khí hậu theo độ cao và sự khác nhau về thổ nhưỡng và sinh vật.

- Đặc điểm:

Đai và độ cao	Khí hậu	Các HST chính
Đai nhiệt đới gió mùa. Dưới 600-700m ở phía bắc và 900-1000m ở phía nam	Nền nhiệt độ cao, mùa hạ nóng, độ ẩm thay đổi tùy nơi từ khô hạn đến ẩm ướt	- Rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh. - Rừng nhiệt đới gió mùa.
Đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi. Từ 600-700m đến 2600m ở phía bắc và 900-1000m đến 2600m ở phía nam.	Mát mẻ, không có tháng nhiệt độ trên 25°C, mưa nhiều hơn, độ ẩm tăng.	- Rừng cận nhiệt đới lá rộng và lá kim. - Rừng xa van cây bụi.
Đai ôn đới gió mùa trên núi cao. Độ cao từ 2600m trở lên.	Khí hậu ôn đới, quanh năm nhiệt độ dưới 15°C, mùa đông xuống dưới 5°C.	Thực vật ôn đới

IV. Các miền địa lý tự nhiên

1. Miền Bắc và Đông Bắc Bắc bộ

- Phạm vi: Tả ngạn sông Hồng, gồm vùng núi đông bắc và đồng bằng bắc bộ.

- Đặc điểm chung:

- + Đồi núi thấp chiếm ưu thế, hướng núi vòng cung
- + Gió mùa đông bắc xâm nhập mạnh tạo nên một mùa đông lạnh.
- + Địa hình bờ biển đa dạng thuận lợi phát triển kinh tế biển.
- + Giàu khoáng sản.

- Khó khăn: Sự thất thường của khí hậu

2. Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ

- Phạm vi: Hữu ngạn sông Hồng đến dãy Bạch Mã

- Đặc điểm chung:

- + Địa hình cao, các dãy núi xen kẽ các thung lũng sông theo hướng tây bắc – đông nam
- + Gió mùa đông bắc giảm sút về phía tây và phía nam
- + Là miền duy nhất có địa hình núi cao ở nước ta và có đầy đủ 3 đai cao.
- + Địa hình núi chiếm ưu thế và dốc mạnh, có nhiều bề mặt sơn nguyên, cao nguyên, đồng bằng giữa núi... thuận lợi phát triển chăn nuôi đại gia súc, trồng cây công nghiệp, phát triển nông lâm kết hợp.
- + Nhiều cồn cát, nhiều bãi biển đẹp, nhiều đầm phá, nhiều nơi thuận lợi xây dựng cảng biển.
- + Khoáng sản: sắt, apatit, crôm, ti tan, vật liệu xây dựng.
- + Rừng có nhiều ở Nghệ An, Hà Tĩnh.

- Khó khăn: Bão lũ, trượt lở đất, hạn hán thường xảy ra

3. Miền Nam Trung Bộ và Nam bộ

- Phạm vi: Từ dãy Bạch Mã trở vào nam.

- Đặc điểm chung:

+ Cấu trúc địa chất, địa hình khá phức tạp, gồm các khối núi cổ, các sơn nguyên bóc mòn và các cao nguyên ba dan.

+ Đồng bằng ven biển thu hẹp, đồng bằng Nam bộ thấp, khá bằng phẳng, mở rộng.

+ Đường bờ biển Nam trung bộ khúc khuỷu, nhiều vũng vịnh sâu được che chắn bởi các đảo ven bờ.

+ Khí hậu cận xích đạo gió mùa, nhiệt độ cao, biên độ nhiệt năm nhỏ, có 2 mùa mưa khô rõ rệt

+ Ven biển, rừng ngập mặn phát triển.

+ Khoáng sản: Dầu khí có trữ lượng lớn, Tây Nguyên giàu bôxít.

- Khó khăn:

+ Xói mòn, rửa trôi đất ở vùng đồi núi.

+ Ngập lụt trên diện rộng ở đồng bằng Nam bộ và ở hạ lưu các sông lớn trong mùa mưa.

+ Thiếu nước nghiêm trọng vào mùa khô.

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM:

BÀI 11, 12. THIÊN NHIÊN PHÂN HÓA ĐA DẠNG

Câu 2. Đặc trưng khí hậu phần lãnh thổ phía Bắc:

A. Cận nhiệt đới gió mùa có mùa đông lạnh

B. Cận xích đạo gió mùa

C. Nhiệt đới ẩm có mùa đông lạnh

D. Nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.

Câu 3. Nguyên nhân tạo nên sự phân hóa khí hậu theo Bắc – Nam ở nước ta là:

A. Sự di chuyển của dải hội tụ từ Bắc vào Nam đồng thời cùng với sự suy giảm ảnh hưởng của khối khí lạnh.

B. Sự tăng lượng bức xạ Mặt Trời đồng thời với sự giảm sút ảnh hưởng của khối khí lạnh về phía Nam.

C. Góc nhập xạ tăng, đồng thời với sự tác động mạnh mẽ của gió mùa Đông Bắc, đặc biệt từ 16°B trở vào

D. Do càng vào Nam, càng gần xích đạo đồng thời với sự tác động mạnh mẽ của gió mùa Tây Nam

Câu 4. Biên độ nhiệt năm ở phía Bắc cao hơn ở phía Nam, vì phía Bắc:

A. Có một mùa đông lạnh.

B. Có một mùa hạ có gió phơn Tây Nam

C. Gần chí tuyến.

D. Câu A + C đúng

Câu 5. Nguyên nhân chính làm phân hóa thiên nhiên theo vĩ độ (Bắc – Nam) là sự phân hóa của:

A. Địa hình.

B. Khí hậu.

C. Đất đai.

D. Sinh vật

Câu 7. Tác động của gió mùa Đông Bắc mạnh nhất ở:

A. Bắc Trung Bộ.

B. Tây Bắc.

C. Đông Bắc.

D. Đồng bằng Bắc Bộ

Câu 9. Cảnh quan tiêu biểu của phần lãnh thổ phía Bắc là:

A. Đới rừng gió mùa cận xích đạo.

B. Đới rừng xích đạo

C. Đới rừng gió mùa nhiệt đới.

D. Đới rừng nhiệt đới

Câu 10. Đặc điểm nào sau đây không đúng với khí hậu của phần phía Nam lãnh thổ (từ 16°B trở vào):

A. Không có tháng nào nhiệt độ dưới 20°C.

B. Quanh năm nóng

C. Về mùa khô có mưa phùn.

D. Có hai mùa mưa và khô rõ rệt

Câu 11. Sự khác nhau về thiên nhiên giữa các vùng núi theo Đông – Tây chủ yếu do:

A. Kinh tuyến.

B. Hướng núi với sự tác động của các luồng gió

C. Độ cao của núi.

D. Câu B + C đúng

Câu 12. Điểm nào sau đây không đúng với thiên nhiên vùng biển và thềm lục địa nước ta?

A. Vùng biển lớn gấp 3 lần diện tích đất liền

B. Thềm lục địa phía Bắc và phía Nam có đáy nông, mở rộng

C. Đường bờ biển Nam Trung bộ bằng phẳng

D. Thềm lục địa ở miền Trung thu hẹp, tiếp giáp vùng biển nước sâu.

Câu 13. Thiên nhiên vùng núi Đông Bắc khác với Tây Bắc ở điểm:

A. Mùa đông bớt lạnh nhưng khô hơn

B. Mùa hạ đến sớm, đôi khi có gió Tây, lượng mưa giảm

C. Mùa đông lạnh đến sớm hơn các vùng núi thấp

D. Khí hậu lạnh chủ yếu do độ cao của địa hình

Câu 14. Sự khác nhau về mùa khô và mưa ở Tây Nguyên (sườn Tây Trường Sơn) và sườn Đông của Trường Sơn là do tác động của hướng dãy núi Trường Sơn đối với các luồng gió:

A. Đông Nam.

B. Tây Nam.

C. Đông Bắc.

D. Tất cả đều đúng

Câu 15. Điểm giống nhau về tự nhiên của vùng ven biển phía Đông Trường Sơn Nam và vùng Tây Nguyên là:

- A. Mưa và thu đông (từ tháng IX, X – I, II).
- B. Có một mùa khô sâu sắc
- C. Mùa mưa vào hạ thu (từ tháng V – X).
- D. Về mùa hạ có gió Tây khô nóng.

Câu 18. Biểu hiện của mối quan hệ chặt chẽ giữa dải đồi núi phía Tây với vùng biển phía Đông là:

- A. Dải đồng bằng ven biển miền Trung hẹp ngang, đồi núi lan ra sát biển, chia cắt thành những đồng bằng nhỏ
- B. Nơi hình thành các đồng bằng châu thổ sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long, đồi núi lùi xa vào đất liền, đồng bằng mở rộng với các bãi triều thấp phẳng.
- C. Các dạng địa hình bồi tụ, mài mòn xen kẽ, các cồn cát, đầm phá ở đồng bằng ven biển miền Trung là hệ quả tác động kết hợp giữa biển và vùng đồi núi phía Tây.
- D. Tất cả đều đúng.

Câu 19. Sự phân hóa đai địa hình: vùng biển - thềm lục địa, vùng đồng bằng ven biển và vùng đồi núi là biểu hiện của sự phân hóa theo:

- A. Đông – Tây.
- B. Bắc – Nam.
- C. Đất đai.
- D. Sinh vật.

Câu 20. Đai cao nào không có ở miền núi nước ta?

- A. Ôn đới gió mùa trên núi.
- B. Nhiệt đới chân núi
- C. Nhiệt đới gió mùa chân núi.
- D. Cận nhiệt đới gió mùa trên núi

Câu 22. Sự hình thành ba đai cao trước hết là do sự thay đổi theo độ cao của:

- A. Khí hậu.
- B. Sinh vật
- C. Đất đai.
- D. Câu A + B đúng

Câu 24. Đặc điểm khí hậu của đai nhiệt đới gió mùa chân núi là :

- A. Mùa hạ nóng, nhiệt độ trung bình trên 25 °C
- B. Tổng nhiệt độ năm trên 4500°C
- C. Độ ẩm thay đổi tùy nơi, từ khô, hơi khô, hơi ẩm đến ẩm
- D. Câu A + C đúng

Câu 27. Khí hậu của đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi có đặc điểm

- A. Mát mẻ, không có tháng nào trên 25°C
- B. Tổng nhiệt độ năm trên 5400°C
- C. Lượng mưa giảm khi lên cao
- D. Độ ẩm giảm rất nhiều so với ở chân núi

Câu 28. Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ có khí hậu cận xích đạo, vì miền này

- A. Nằm gần xích đạo
- B. Không chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc
- C. Tiếp giáp với vùng biển rộng lớn
- D. Chủ yếu có địa hình thấp

Câu 29. Khoáng sản nổi bật ở miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ là

- A. Dầu khí và bôxít.
- B. Thiếc và khí tự nhiên
- C. Vật liệu xây dựng và quặng sắt.
- D. Than đá và apatit

Câu 31. Đây là điểm khác biệt về khí hậu giữa Duyên hải Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

- A. Mùa mưa ở Nam Trung Bộ chậm hơn.
- B. Mùa mưa của Nam Trung Bộ sớm hơn.
- C. Chỉ có Nam Trung Bộ mới có khí hậu cận Xích đạo.
- D. Nam Trung Bộ không chịu ảnh hưởng của phơn Tây Nam.

Câu 32. Miền Bắc ở độ cao trên 600 m, còn miền Nam phải 1000 m mới có khí hậu cận nhiệt đới. Lí do chính là vì :

- A. Địa hình miền Bắc cao hơn miền Nam.
- B. Miền Bắc mưa nhiều hơn miền Nam.
- C. Nhiệt độ trung bình năm của miền Nam cao hơn miền Bắc.
- D. Miền Bắc giáp biển nhiều hơn miền Nam.

Câu 33. Sông ngòi ở Tây Nguyên và Nam Bộ lượng dòng chảy kiệt rất nhỏ vì :

- A. Phần lớn sông ở đây đều ngắn, độ dốc lớn.
- B. Phần lớn sông ngòi ở đây đều nhận nước từ bên ngoài lãnh thổ.
- C. Ở đây có mùa khô sâu sắc, nhiệt độ cao, bốc hơi nhiều.
- D. Sông chảy trên đồng bằng thấp, phẳng lại đổ ra biển bằng nhiều chi lưu.

Câu 34. Yếu tố chính làm hình thành các trung tâm mưa nhiều, mưa ít ở nước ta là :

- A. Độ vĩ.
- B. Độ lục địa.
- C. Địa hình.
- D. Mạng lưới sông ngòi.

Câu 35. Đây là điểm khác nhau cơ bản của khí hậu Nam Bộ và khí hậu Tây Nguyên.

- A. Tây Nguyên có mưa lệch pha sang thu đông.
- B. Nam Bộ có khí hậu nóng và điều hoà hơn

C. Nam Bộ có hai mùa mưa khô đối lập.

D. Nam Bộ có nhiệt độ trung bình năm thấp hơn.

Câu 36. Ranh giới để phân chia hai miền khí hậu chính ở nước ta là :

A. Đèo Ngang.

B. Dãy Bạch Mã.

C. Đèo Hải Vân.

D. Dãy Hoàng Sơn.

Câu 37. Sự phân mùa của khí hậu nước ta chủ yếu là do :

A. Ảnh hưởng của các khối không khí hoạt động theo mùa khác nhau về hướng và tính chất.

B. Ảnh hưởng của khối không khí lạnh và khối không khí Xích đạo

C. Ảnh hưởng của khối không khí từ vùng vịnh Bengan và Tín phong nửa cầu Bắc

D. Ảnh hưởng của Tín phong nửa cầu Bắc và khối không khí Xích đạo

Câu 38. Tính chất nhiệt đới ẩm, gió mùa của khí hậu nước ta đã đem đến cho sản xuất nông nghiệp :

A. Nhiều đồng bằng phù sa, nhiệt ẩm dồi dào, lũ bão, ngập úng, hạn hán và sâu bệnh.

B. Có điều kiện thuận lợi để thâm canh, luân canh, tăng vụ.

C. Phát triển các loại cây trồng có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới.

D. Phát triển nghề khai thác, nuôi trồng thủy sản.

Câu 39. Nhiều động về thời tiết ở nước ta thường xảy ra vào :

A. Mùa đông ở miền Bắc và mùa khô ở Tây Nguyên.

B. Nửa đầu mùa hè ở Bắc Trung Bộ.

C. Thời gian chuyển mùa.

D. Nửa sau mùa hè đối với cả vùng Duyên hải miền Trung.

Bài 14: SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

I. Tài nguyên sinh vật

1. Tài nguyên rừng

a. Ý nghĩa:

+ kinh tế: cung cấp gỗ

+ giữ cân bằng sinh thái môi trường.

b. Hiện trạng:

- đang bị suy thoái, mặc dù tổng diện tích rừng tăng lên nhưng vì chất lượng rừng chưa thể phục hồi được.

- HS đọc biểu đồ cột chồng trang 20 Atlas

c. Nguyên nhân

- Do chiến tranh

- Do nhu cầu phát triển kinh tế vì vậy lấy đất làm lâm nghiệp, nuôi thủy sản, lấy đất chuyên dùng và thổ cư. Khai thác lấy gỗ, củi và lâm sản.

- Ý thức của người dân chưa cao như khai thác rừng bừa bãi, đốt rừng làm rẫy.

- Hiện nay diện tích rừng tăng lên nhờ trồng rừng

- Do diện tích rừng trồng nhiều hơn diện tích rừng đã bị phá nên tổng diện tích rừng mới và độ che phủ rừng cũng tăng.

d. Biện pháp

- Nâng cao độ che phủ rừng.

- bảo vệ và phát triển rừng cụ thể:

+ Đối với rừng phòng hộ: Có kế hoạch, biện pháp bảo vệ, nuôi dưỡng rừng hiện có, trồng rừng trên đất trống, đồi núi trọc.

+ Đối với rừng đặc dụng: Bảo vệ cảnh quan, đa dạng sinh học của các vườn quốc gia và các khu bảo tồn thiên nhiên.

+ Đối với rừng sản xuất: Đảm bảo duy trì phát triển diện tích và chất lượng rừng.

- Triển khai luật bảo vệ rừng, tiến hành giao quyền sử dụng đất và bảo vệ rừng cho người dân.

II. Sử dụng và bảo vệ tài nguyên đất

1. Hiện trạng

- Năm 2005, nước ta có khoảng 12.7 tr ha đất có rừng và 9.4 tr ha đất sử dụng trong nông nghiệp.

- Đất chưa sử dụng 5.35 triệu ha

2. Biện pháp

a. Đối với vùng đồi núi

- Áp dụng tổng thể các biện pháp thủy lợi, canh tác như làm ruộng bậc thang, trồng cây theo băng.

- Phát triển nông lâm kết hợp để cải tạo đất hoang đồi núi trọc.

- Bảo vệ rừng, giữ nguồn nước.

- Thực hiện nghiêm ngặt các quy định về quản lý rừng và đất, tổ chức định canh, định cư cho dân cư miền núi.

b. Đối với đất nông nghiệp

- Cần có biện pháp quản lý chặt chẽ và có kế hoạch mở rộng diện tích đất nông nghiệp.

- Thâm canh, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, cần canh tác hợp lý, chống bạc màu, nhiễm mặn, nhiễm phèn.

- Bón phân cải tạo đất thích hợp.

- Chống ô nhiễm môi trường đất do chất độc hoá học, thuốc trừ sâu, nước thải công nghiệp, chất bẩn chứa nhiều vi khuẩn gây hại cho cây trồng.

III. Sử dụng và bảo vệ các tài nguyên khác

1. Nước

a. Tình hình sử dụng

- Chưa khai thác hết tiềm năng và hiệu quả sử dụng thấp.

- Nhiều nơi khai thác nguồn nước ngầm quá mức làm giảm lượng nước cung cấp, hạ thấp mực nước.

- Ô nhiễm nước, nhất là các khu đô thị, khu công nghiệp, vùng cửa sông, ven biển.

- Lượng nước cung cấp cho đầu người chưa đủ, chưa đảm bảo vệ sinh, nhất là ở những vùng khô hạn, vùng thiếu nước ngọt.

b. Biện pháp

- Xây đập, làm hồ chứa nước, hệ thống cấp nước, công trình thoát lũ...

- Trồng cây xanh, canh tác đúng kỹ thuật trên đất dốc.

- Quy hoạch và phân bổ nguồn nước hợp lý.

- Xử lý hành chính đối với các cơ sở sản xuất, dịch vụ, dân cư không thực hiện đúng quy định về nước thải, nhằm ngăn chặn nguồn gây ô nhiễm nước.

- Tuyên truyền, giáo dục người dân không xả nước bẩn, rác thải vào sông hồ.

2. Khoáng sản

a. Tình hình sử dụng

- Nước ta có hơn 3500, mỏ khoáng sản nhưng phần lớn là mỏ nhỏ, phân tán, khó khăn trong quản lý, khai thác.

- Nhiều nơi khai thác bừa bãi, trái phép, gây lãng phí tài nguyên và ô nhiễm môi trường.

b. Biện pháp

- Quản lý chặt chẽ việc khai thác, tránh lãng phí tài nguyên và làm ô nhiễm môi trường từ khâu khai thác, vận chuyển tới chế biến khoáng sản.

- Xử lý những trường hợp vi phạm luật như khai thác trái phép, gây ô nhiễm môi trường.

3. Tài nguyên du lịch

a. Tình hình sử dụng: Tình trạng ô nhiễm môi trường xảy ra ở nhiều điểm du lịch khiến cảnh quan du lịch bị suy thoái.

b. Biện pháp: Cần bảo tồn, tôn tạo giá trị tài nguyên du lịch và bảo vệ môi trường du lịch khỏi bị ô nhiễm, phát triển du lịch sinh thái.

4. Tài nguyên khí hậu

- Tình hình sử dụng: Tình trạng ô nhiễm môi trường không khí diễn ra ở các khu công nghiệp và các đô thị lớn. Nhiệt độ tăng dần và lượng mưa ngày càng nhiều.

- Quản lý chặt chẽ việc xả khói công nghiệp và gây tiếng ồn ở các đô thị lớn.

5. Tài nguyên biển

- Tình hình sử dụng: Sinh vật biển đang bị giảm sút. Hệ sinh thái ven bờ bị đe dọa. Môi trường bị ô nhiễm do dầu tràn.

- Biện pháp: Quản lý chặt chẽ việc đánh bắt thủy sản, khai thác dầu khí và hoạt động giao thông vận tải biển.

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM:

BÀI 14. SỬ DỤNG VÀ BẢO VỆ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

Câu 1. Đây là một biện pháp quan trọng nhằm bảo vệ rừng đặc dụng.

A. Gây trồng rừng trên đất trống đồi trọc.

B. Bảo vệ cảnh quan đa dạng sinh học ở các vườn quốc gia.

C. Đảm bảo duy trì phát triển diện tích và chất lượng rừng.

D. Có kế hoạch, biện pháp bảo vệ nuôi dưỡng rừng hiện có.

Câu 2. Nhận định đúng nhất về tài nguyên rừng của nước ta hiện nay là :

A. Tài nguyên rừng đang tiếp tục bị suy giảm cả về số lượng lẫn chất lượng.

B. Dù tổng diện tích rừng đang được phục hồi nhưng chất lượng vẫn tiếp tục suy giảm.

C. Tài nguyên rừng của nước ta đang được phục hồi cả về số lượng lẫn chất lượng.

D. Chất lượng rừng đã được phục hồi nhưng diện tích rừng đang giảm sút nhanh.

Câu 3. Khu bảo tồn thiên nhiên Cần Giờ thuộc :

- A. TP Hải Phòng. B. TP Hồ Chí Minh.
C. TP Cần Thơ. D. Tỉnh Cà Mau.

Câu 8. Dựa vào bảng số liệu sau đây về diện tích rừng của nước ta qua một số năm.

(Đơn vị : triệu ha)

Năm	1943	1975	1983	1990	1999	2003
Tổng diện tích rừng	14,3	9,6	7,2	9,2	10,9	12,1
Rừng tự nhiên	14,3	9,5	6,8	8,4	9,4	10,0
Rừng trồng	0,0	0,1	0,4	0,8	1,5	2,1

Nhận định đúng nhất là :

- A. Tổng diện tích rừng đã được khôi phục hoàn toàn.
B. Diện tích rừng trồng tăng nhanh nên diện tích và chất lượng rừng được phục hồi.
C. Diện tích và chất lượng rừng có tăng nhưng vẫn chưa phục hồi hoàn toàn.
D. Diện tích rừng tự nhiên tăng nhanh hơn diện tích rừng trồng.

Câu 17. Loại hình nào sau đây không khuyến khích phát triển mạnh ở khu bảo tồn thiên nhiên

- A. Du lịch sinh thái
B. Phục vụ nghiên cứu khoa học
C. Quản lý môi trường và giáo dục
D. Bảo vệ và duy trì các loài động thực vật trong điều kiện tự nhiên

Câu 19. Làm thu hẹp diện tích rừng, làm nghèo tính đa dạng của các kiểu hệ sinh thái, thành phần loài và nguồn gen, chủ yếu là do:

- A. Cháy rừng và các thiên tai khác. B. Các dịch bệnh
C. Sự khai thác bừa bãi và phá rừng. D. Chiến tranh tàn phá

Câu 23. Biện pháp để bảo vệ tài nguyên đất nông nghiệp là

- A. Ngăn chặn nạn du canh, du cư. B. Chống suy thoái và ô nhiễm đất
C. Thực hiện kỹ thuật canh tác trên đất dốc. D. Áp dụng biện pháp nông lâm kết hợp

Câu 24. Nguyên nhân về mặt tự nhiên làm suy giảm tính đa dạng sinh học của nước ta là

- A. Chiến tranh tàn phá các khu rừng, các hệ sinh thái
B. Săn bắt, buôn bán trái phép các động vật hoang dã
C. Sự biến đổi thất thường của khí hậu Trái đất gây ra nhiều thiên tai

Câu 27. Để tránh làm nghèo các hệ sinh thái rừng ngập mặn, cần

- A. Quản lý và kiểm soát các chất thải độc hại vào môi trường
B. Bảo vệ nguồn nước sạch chống nhiễm bẩn
C. Quản lý chặt chẽ việc khai thác, sử dụng tiết kiệm tài nguyên khoáng sản
D. Sử dụng hợp lý các vùng cửa sông, ven biển

Câu 31. Mặc dù tổng diện tích rừng đang dần tăng lên, nhưng tài nguyên rừng nước ta vẫn bị suy thoái vì

- A. Diện tích rừng giàu và rừng phục hồi tăng lên
B. Chất lượng rừng không ngừng giảm sút
C. Rừng giàu hiện nay còn rất ít
D. Diện tích rừng nghèo và rừng mới phục hồi chiếm phần lớn

Câu 32. Đây là một biện pháp quan trọng nhằm bảo vệ rừng sản xuất

- A. Có kế hoạch, biện pháp bảo vệ, nuôi dưỡng rừng hiện có
B. Đảm bảo duy trì phát triển diện tích và chất lượng rừng
C. Bảo vệ cảnh quan, đa dạng sinh học của các vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên
D. Giao quyền sử dụng đất và bảo vệ rừng cho người dân

Câu 35. Tài nguyên sinh vật nước ta có giá trị to lớn về phát triển kinh tế - xã hội, biểu hiện

- A. Tạo điều kiện cho phát triển du lịch sinh thái
B. Là nơi lưu giữ các nguồn gen quý
C. Chống xói mòn đất, điều hòa dòng chảy
D. Đảm bảo cân bằng nước, chống lũ lụt và khô hạn.

Bài 15: BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

I. Bảo vệ môi trường

- Tình trạng mất cân bằng sinh thái môi trường
- Tình trạng ô nhiễm môi trường
- Biện pháp: Cần sử dụng hợp lý, lâu bền và đảm bảo chất lượng môi trường sống cho con người.

II. Các nhiệm vụ về bảo vệ tài nguyên và môi trường

- Duy trì các hệ sinh thái

- C. Các cao nguyên ở phía nam Tây Nguyên.
- D. Đồng Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 5. Đây là đặc điểm của bão ở nước ta :

- A. Diễn ra suốt năm và trên phạm vi cả nước.
- B. Tất cả đều xuất phát từ Biển Đông.
- C. Chỉ diễn ra ở khu vực phía bắc vĩ tuyến 16°B.
- D. Mùa bão chậm dần từ bắc vào nam.

Câu 6. Đây là hiện tượng thường đi liền với bão :

- A. Sóng thần.
- B. Động đất.
- C. Lũ lụt.
- D. Ngập úng.

Câu 8. Nguyên nhân chính làm cho Đồng bằng sông Hồng bị ngập úng nghiêm trọng nhất ở nước ta là:

- A. Có mật độ dân số cao nhất nước ta.
- B. Có địa hình thấp nhất so với các đồng bằng.
- C. Có lượng mưa lớn nhất nước.
- D. Có hệ thống đê sông, đê biển bao bọc.

Câu 11. Gió mùa Tây Nam khô nóng hoạt động mạnh nhất vào thời gian :

- A. Nửa đầu mùa hè.
- B. Cuối mùa hè.
- C. Đầu mùa thu - đông.
- D. Cuối mùa xuân đầu mùa hè.

Câu 12. Vùng chịu ảnh hưởng mạnh của gió Tây Nam khô nóng là :

- A. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- B. Bắc Trung Bộ.
- C. Tây Nguyên.
- D. Tây Bắc.

Câu 13. Thời gian khô hạn kéo dài nhất tập trung ở các tỉnh :

- A. Ninh Thuận và Bình Thuận.
- B. Huyện Mường Xén của tỉnh Nghệ An.
- C. Quảng Bình và Quảng Trị.
- D. Sơn La và Lai Châu.

Câu 16. Ở nước ta khi bão đổ bộ vào đất liền thì phạm vi ảnh hưởng rộng nhất là vùng :

- A. Đồng bằng sông Hồng.
- B. Đồng bằng ven biển Bắc Trung Bộ.
- C. Đồng bằng Duyên hải Nam Trung Bộ.
- D. Đông Bắc.

Câu 19. Biện pháp tốt nhất để hạn chế tác hại do lũ quét đối với tài sản và tính mạng của nhân dân là:

- A. Bảo vệ tốt rừng đầu nguồn.
- B. Xây dựng các hồ chứa nước.
- C. Di dân ở những vùng thường xuyên xảy ra lũ quét.
- D. Quy hoạch lại các điểm dân cư ở vùng cao.

Câu 20. Để hạn chế thiệt hại do bão gây ra đối với các vùng đồng bằng ven biển, thì biện pháp phòng chống tốt nhất là :

- A. Sơ tán dân đến nơi an toàn.
- B. Củng cố công trình đê biển, bảo vệ rừng phòng hộ ven biển.
- C. Thông báo cho các tàu thuyền trên biển phải tránh xa vùng tâm bão.
- D. Có biện pháp phòng chống lũ ở đầu nguồn các con sông lớn.

Câu 22. Vùng thường xảy ra lũ quét là

- A. Vùng núi phía Bắc.
- B. Đồng bằng sông Hồng
- C. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- D. Tây Nguyên

Câu 23. Để phòng chống khô hạn lâu dài, cần

- A. Tăng cường trồng và bảo vệ rừng
- B. Bố trí nhiều trạm bơm nước
- C. Thực hiện kỹ thuật canh tác trên đất dốc.
- D. Xây dựng các công trình thủy lợi

Câu 24. Thiên tai nào sau đây không phải là hệ quả của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa với lượng mưa lớn tập trung vào mùa mưa ở nước ta?

- A. Động đất.
- B. Ngập lụt
- C. Lũ quét.
- D. Hạn hán

Câu 28. Hậu quả lớn nhất của hạn hán là

- A. Làm hạ mạch nước ngầm.
- B. Cháy rừng
- C. Thiếu nước cho sản xuất và sinh hoạt
- D. Gây lũ quét

Câu 30. Nguyên nhân làm cho đồng bằng duyên hải miền Trung ngập trên diện rộng là

- A. Có nhiều đầm phá làm chậm việc thoát nước sông ra biển
- B. Sông ngắn, dốc, tập trung nước nhanh
- C. Mực nước biển dâng cao làm ngập mặn vùng ven biển
- D. Nước do mưa lớn trên nguồn dồn nhanh và nhiều

Câu 31. Đồng bằng Duyên hải miền Trung ít bị ngập úng hơn Đồng bằng sông Hồng và Đồng bằng sông Cửu Long vì :

- A. Lượng mưa ở Duyên hải miền Trung thấp hơn.
- B. Lượng mưa lớn nhưng rải ra trong nhiều tháng nên mưa nhỏ hơn.
- C. Do địa hình dốc ra biển lại không có đê nên dễ thoát nước.
- D. Mật độ dân cư thấp hơn, ít có những công trình xây dựng lớn.

Câu 33. Nguyên nhân chủ yếu nhất làm cho vùng đồng bằng sông Cửu Long chịu ngập lụt

- A. Có nhiều đầm phá làm chậm việc thoát nước sông ra biển
- B. Nước do mưa lớn trên nguồn dồn nhanh, nhiều
- C. Sông ngắn, dốc, tập trung nước nhanh.
- D. Mực nước biển dâng cao làm ngập mặn vùng ven biển

Câu 35. Từ TP. Hồ Chí Minh đến Cà Mau, thời gian bão hoạt động mạnh nhất là

- A. Tháng 10 -11.
- B. Tháng 12.
- C. Tháng 9.
- D. Tháng 9,10

MỘT SỐ CÔNG THỨC TÍNH TOÁN ĐỊA LÝ – hk1

TT	Đối tượng địa lý	Đơn vị	Công thức tính
1	Mật độ dân số (không lấy số lẻ)	người/ km ²	$\frac{\text{Số dân}}{\text{Diện tích}}$
2	Cân bằng ẩm	mm	Lượng mưa - lượng bốc hơi
3	Độ che phủ rừng	%	$\frac{\text{Diện tích rừng} \times 100\%}{\text{Diện tích đất tự nhiên}}$